

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH GIA
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST

Ngày 26-3-2024

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi
con chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIA, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Khi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nông Ngọc Nam

2. Ông Dương Công Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Nam Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ma Thị T, sinh năm 1985. Có mặt.

Nơi ĐKHKTT: Thôn V, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Nơi ở hiện nay: Thôn K, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

2. Bị đơn: Anh Hà Mạnh T1, sinh năm 1986. Vắng mặt. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ma Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ma Thị T và anh Hà Mạnh T1 được tự do tìm hiểu nhau và được hai bên gia đình tổ chức hôn lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương; đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện B ngày 28/01/2013. Quá trình chung sống với nhau ban đầu rất hạnh phúc. Sau đó anh Hà Mạnh T1 không chịu lao động, thường xuyên tụ tập rượu chè và nghiện rượu. Do không thể tiếp tục chung sống nên đến tháng 7/2021, chị Ma Thị T đã bỏ về nhà bố mẹ ruột tại thôn K, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn sinh sống từ đó đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, thời gian sống ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân của vợ chồng không đạt được, chị Ma Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Hà Mạnh T1.

Về con chung: Có 01 con chung là Hà Nhật T2, sinh ngày 18/7/2013. Quá trình sống ly thân người con chung do chị Ma Thị T nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị Ma Thị T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hà Nhật T2 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Không yêu cầu anh Hà Mạnh T1 cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Không có.

Về phía bị đơn anh Hà Mạnh T1 tại biên bản lấy lời khai trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Mạnh T1 và chị Ma Thị T tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, sau đó được tổ chức cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn theo quy định. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn. Chị Ma Thị T bỏ về bên thôn K, xã H, sinh sống từ năm 2021 đến nay. Từ đó hai vợ chồng sống ly thân đến nay. Anh Hà Mạnh T1 bị bệnh gan và suy nhược cơ thể từ tháng 7 (âm lịch) năm 20243 đến nay. Hiện nay nằm liệt giường, không đi lại được, sinh hoạt hàng ngày cần có người phục vụ. Anh T1 không đồng ý ly hôn với chị Ma Thị T do anh T1 không đuổi chị T đi.

Về con chung: Có 01 con chung là Hà Nhật T2, sinh ngày 18/7/2013. Quá trình sống ly thân người con chung do chị Ma Thị T nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, anh Hà Mạnh T1 đồng ý cho Ma Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hà Nhật T2 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Hà Mạnh T1 cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai cản trở; Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Không có.

Người làm chứng Lương Thị S (mẹ ruột anh Hà Mạnh T1) trình bày: Anh Hà Mạnh T1 và chị Ma Thị T kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống hai vợ chồng bình thường. Đến năm 2021, chị Ma Thị T đưa con chung về bên thôn K sinh sống từ đó đến nay. Anh Hà Mạnh T1 bị bệnh như anh T1 đã trình bày. Sinh hoạt hàng ngày do bà giúp đỡ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt trong toàn bộ vụ án. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn chị Ma Thị T đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự như thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; có mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm. Còn bị đơn anh Hà Mạnh T1 vắng mặt tại Tòa án có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về việc giải quyết vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; qua tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ma Thị T. Về con chung: Giao con chung cho chị Ma Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Hà Mạnh T1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai cản trở. Về tài sản chung vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung không có nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Ma Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Ma Thị T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn. Vì vậy quan hệ pháp luật là *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn”* theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Hà Mạnh T1 có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại thôn V, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tổng đạt văn bản theo quy định pháp luật. Bị đơn anh Hà Mạnh T1 có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản

1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Hà Mạnh T1 là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị Ma Thị T và anh Hà Mạnh T1 là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B nên quan hệ hôn nhân giữa anh Hà Mạnh T1 và chị Ma Thị T là hợp pháp. Các đương sự đều thừa nhận thời gian sống ly thân từ năm 2021 đến nay, trước thời điểm anh Hà Mạnh T1 bị bệnh. Quá trình sống ly thân hai người không ai quan tâm chăm sóc ai, không liên lạc phù hợp với lời khai người làm chứng và nội dung xác minh do UBND xã H cung cấp. Nên có căn cứ xác định mâu thuẫn hôn nhân giữa chị Ma Thị T và anh Hà Mạnh T1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Ma Thị T yêu cầu ly hôn với anh Hà Mạnh T1 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Các đương sự đều thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Hà Nhật T2, sinh ngày 18/7/2013. Nhận thấy, quá trình sống ly thân con chung đều do chị Ma Thị T chăm sóc giáo dục và con chung phát triển bình thường. Chị Ma Thị T cư trú tại thôn K có nơi ở ổn định bảo đảm khả năng nuôi con. Anh Hà Mạnh T1 hiện nay đang bị bệnh, nằm liệt giường, cần có người chăm sóc. Do đó, chị Ma Thị T yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với nguyện vọng của con chung và ý kiến của anh Hà Mạnh T1 đồng ý cho con ở với chị Ma Thị T. Do đó, việc giao con chung cho chị Ma Thị T3 trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục đến khi đủ 18 tuổi (trưởng thành) là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Ma Thị T không yêu cầu anh Hà Mạnh T1 cấp dưỡng, anh Hà Mạnh T1 có ý kiến đồng ý không cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận anh Hà Mạnh T1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung.

[5] Về tài sản chung vợ chồng: Quá trình giải quyết vụ án chị Ma Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Hà Mạnh T1 nêu tài sản chung không có. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung vợ chồng: Quá trình giải quyết vụ án chị Ma Thị T và anh Hà Mạnh T4 đều trình bày là không có. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Ma Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[7] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ma Thị T được ly hôn với anh Hà Mạnh T1.

2. Về con chung: Giao con chung là Hà Nhật T2, sinh ngày 18/7/2013 cho chị Ma Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Hà Mạnh T1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai cản trở.

Trường hợp cần thiết hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Ma Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng chẵn), xác nhận chị Ma Thị T đã nộp đủ theo biên lai thu số 0003465 ngày 25/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Ma Thị T có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Hà Mạnh T1 vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã Hồng Phong, huyện Bình Gia (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Khi

